

Mẫu số 01

CÔNG TY TNHH CÔNG
NGHIỆP NIENYI VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI NỘP PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

Quý 01 Năm 2026

Kính gửi: Sở Nông Nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh

A. THÔNG TIN CHUNG

Tên người nộp phí: Công ty TNHH Công Nghiệp NienYi Việt Nam

Địa chỉ: Nhà xưởng CN 09-08, CN 09-09, Lô CN 09, KCN Vân Trung, phường Nénh, Bắc Ninh.

MST:	2	4	0	0	8	6	0	7	0	1			
------	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--

Điện thoại: 0988251090 Fax:..... Email: nienyithanhtoan@gmail.com

Tài khoản số: 1031313666 Tại ngân hàng: Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – CN Tây Bắc Giang (Vietcombank)

Loại hình, lĩnh vực sản xuất: Sản xuất gia công dây cáp mạng, dây cáp điện thoại, cáp dữ liệu USB, cụm dây dẫn, hệ thống thông tin, phụ kiện máy tính, cáp quang, gia công hạt nhựa, thiết bị kết nối...và được xuất khẩu 100%

Khí thải phát sinh từ cơ sở thuộc đối tượng chịu phí theo quy định như sau:

+Nguồn số 01: Khí thải phát sinh tại công đoạn hàn và làm sạch bằng cồn (tại nhà xưởng CN 09-08)

+Nguồn số 02: Khí thải phát sinh tại quy trình sản xuất hạt nhựa (tại nhà xưởng CN 09-08)

B. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG TRONG KỲ TÍNH PHÍ

1. Thông tin về dòng khí thải thứ 1: Khí thải phát sinh tại công đoạn hàn và làm sạch bằng cồn (tại nhà xưởng CN 09-08)

1.1. Tổng thời gian xả khí thải trong kỳ tính phí (giờ): 936 giờ

1.2. Lưu lượng khí thải phát sinh (Nm³/giờ): 12.000 m³/giờ



1.3. Số phí biến đổi của từng chất ô nhiễm trong khí thải:

Thông số ô nhiễm	Nồng độ (mg/Nm ³)	Số phí biến đổi của từng chất gây ô nhiễm môi trường có trong khí thải tại dòng khí thải thứ 1 (C _i)
Bụi	<18	80,87
NO _x (gồm NO ₂ và NO)	2.8	12,58
SO _x	0.52	2,04
CO	4.03	11,32

1.4. Căn cứ để kê khai nồng độ từng thông số ô nhiễm trong khí thải (Ghi rõ tên đơn vị phân tích, thông tin phiếu kết quả quan trắc môi trường): Công ty cổ phần môi trường Đại Nam

Thông tin phiếu kết quả quan trắc môi trường số 14038/2025/PKQ/25.6371

2. Thông tin về dòng khí thải thứ 2: Khí thải phát sinh tại quy trình sản xuất hạt nhựa (tại nhà xưởng CN 09-08)

1.1. Tổng thời gian xả khí thải trong kỳ tính phí (giờ): 936 giờ

1.2. Lưu lượng khí thải phát sinh (Nm³/giờ): 14.000 m³/giờ

1.3. Số phí biến đổi của từng chất ô nhiễm trong khí thải:

Thông số ô nhiễm	Nồng độ (mg/Nm ³)	Số phí biến đổi của từng chất gây ô nhiễm môi trường có trong khí thải tại dòng khí thải thứ 2 (C _i)
Bụi	<18	94,35
NO _x (gồm NO ₂ và NO)	2.95	15,46
SO _x	1.40	6,42
CO	2.74	8,98

1.4. Căn cứ để kê khai nồng độ từng thông số ô nhiễm trong khí thải (Ghi rõ tên đơn vị phân tích, thông tin phiếu kết quả quan trắc môi trường): Công ty cổ phần môi trường Đại Nam

Thông tin phiếu kết quả quan trắc môi trường số 14038/2025/PKQ/25.6371

C. SỐ PHÍ BIẾN ĐỔI PHẢI NỘP TRONG KỲ (C = ΣC_i)*

C = 232,02 đồng.



D. SỐ TIỀN PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI PHẢI NỘP VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1. Số phí cố định phải nộp kỳ này = 750.000 đồng.
2. Số phí phải nộp vào ngân sách nhà nước:

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Số phí phát sinh trong kỳ $F = f/4 + C$	750.232,02
2	Số phí từ kỳ trước chưa nộp hoặc nộp thiếu (nếu có)	
3	Số phí nộp thừa từ kỳ trước (nếu có)	
4	Số phí còn phải nộp vào ngân sách nhà nước $(1 + 2 - 3)$	

3. Số tiền phí bảo vệ môi trường đối với khí thải phải nộp vào ngân sách nhà nước (Viết bằng chữ): **Bảy trăm năm mươi ngàn, hai trăm ba mươi hai phẩy không trăm mười chín**

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên đây là đúng với thực tế hoạt động của đơn vị.

Cơ quan tiếp nhận, thẩm định
Tờ khai phí
Tờ khai phí ngày

(Người nhận ký và ghi rõ họ tên/Ký số)

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 04 năm 2020

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
KHAI NỘP PHÍ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu/Ký điện tử/Ký số)



**TỔNG GIÁM ĐỐC
LIN YI HSIEN**

P

***Ghi chú:** Đối với cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải không phải kê Mục C Tờ khai phí này.